

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-QUẢNG NGÃI –TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông và ông Nguyễn Văn Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-HNGĐ ngày 04/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐ-HPT ngày 25/3/2026 và **số /QĐ-HPT** ngày 15/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1979

Căn cước số: 042179017265, ngày 20/10/2025.

Địa chỉ: **Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1973

Căn cước công dân số: 042073000519, ngày 17/02/2021.

Địa chỉ: **Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị **Lê Thị H** trình bày:

Chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Thanh H1** kết hôn ngày 20/7/1999, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn P** (nay là **xã B**), tỉnh **Quảng Ngãi**. Trong thời

gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024 và sống ly thân do vợ chồng không còn tin tưởng, không có trách nhiệm, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người ấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị Hương nhận nuôi con **Nguyễn Hồng Phú Q**, sinh ngày 01/02/2012, không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Nguyễn Thanh H1** không có ý kiến về việc chị **H** xin ly hôn, về con chung và tài sản chung.*

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Thanh H1**. Giao cho chị **Lê Thị H** trực tiếp nuôi con **Nguyễn Hồng Phú Q**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị **Lê Thị H** tranh chấp về việc ly hôn với anh **Nguyễn Thanh H1**, trú tại: **Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, anh **Nguyễn Thanh H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Thanh H1** kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024 do vợ chồng không còn tin tưởng, không có trách nhiệm, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người ấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Toà án đã nhiều lần báo anh **H1** để hoà giải mâu thuẫn nhưng anh **H1** không tham gia, thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị **H** và anh **H1** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Thanh H1** theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị **H** đang trực tiếp nuôi con **Nguyễn Hồng Phú Q**, sinh ngày 01/02/2012. Xem xét khả năng nuôi dưỡng của chị **H**, nên giao cháu **Q** cho

chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị **H** có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Riêng các con **Nguyễn Hồng Q1**, **Nguyễn Hồng Q2**, **Nguyễn Hồng Q3** đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử, chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị **Lê Thị H**.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Thanh H1**.

Về con chung: Giao cho chị **Lê Thị H** trực tiếp nuôi con **Nguyễn Hồng Phú Q**, sinh ngày 01/02/2012 đến khi đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Thanh H1** không phải cấp dưỡng nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Lê Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0000053, ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Lê Thị H** đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 11-Quảng Ngãi;
- **UBND xã Bờ Y**;
- Các đương sự;
- Lưu bản án; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Bình